

Số: 881 /QĐ-ĐHTCQTKD

Hung Yên, ngày 12 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên
Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề;

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-BTC ngày 30/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi nội dung một số điều thuộc Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh ban hành theo Quyết định số 820/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 26/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh như sau:

1. Điều 14. được sửa đổi như sau:

“Điều 14. Quy đổi giờ chuẩn giảng dạy

a. Quy đổi các tiết giảng trên lớp:

- Một tiết giảng trên lớp (45’) theo hệ thống niên chế cho đào tạo trình độ cao đẳng, đại học được tính bằng 1 giờ chuẩn.

- Một tiết giảng lý thuyết trên lớp theo hệ thống tín chỉ cho đào tạo trình độ cao đẳng, đại học được tính bằng 1.1 giờ chuẩn.

- Một tiết giảng lý thuyết trên lớp theo hệ thống tín chỉ cho đào tạo trình độ thạc sĩ được tính bằng 1.5 giờ chuẩn.

b. Quy đổi ra đề thi, thẩm định, nghiệm thu theo giờ chuẩn:

- Ra Bộ đề, ngân hàng đề thi:

+ Bộ đề thi xây dựng mới: 125 giờ chuẩn/bộ đề.

+ Ngân hàng đề thi xây dựng mới: 150 giờ chuẩn/ngân hàng đề.

+ Bộ đề thi nâng cấp từ cao đẳng: 100 giờ chuẩn/ bộ đề.

+ Ngân hàng đề thi nâng cấp từ cao đẳng: 120 giờ chuẩn/ngân hàng đề.

+ Chính sửa bộ đề thi theo kế hoạch của trường: 40 giờ chuẩn/ bộ đề

+ Chính sửa ngân hàng đề thi theo kế hoạch của trường: 50 giờ chuẩn/ ngân hàng đề.

Khi xây dựng bộ đề, ngân hàng đề thi, nếu có nhiều thành viên tham gia thì giờ quy đổi được phân bổ theo tỷ lệ nêu ở mục 6.2 điều 15 của quy chế này.

- Ra đề thi lẻ:

+ Ra đề thi tự luận:

- Đề thi có thời gian từ 90 phút trở xuống: 3 giờ chuẩn/đề thi.

- Đề thi có thời gian trên 90 phút: 4 giờ chuẩn/đề thi.

+ Ra đề thi thực hành tin học, kế toán máy: 0,5 giờ chuẩn/đề.

+ Ra đề thi vấn đáp Anh Văn: 0,25 giờ chuẩn/đề

+ Ra chủ đề viết tiểu luận, đề án môn học cho đào tạo trình độ cao học: 02 giờ chuẩn/chủ đề (Mỗi học phần tối đa 6 chủ đề).

c. Một tiết hướng dẫn thực hành tin học; kế toán máy; thực hành, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên tính bằng 0,7 giờ chuẩn;

d. Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp và hướng dẫn sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ quy đổi như sau:

- Hướng dẫn chung kế hoạch thực tập: 01 giờ/kế hoạch.

- Hướng dẫn Khóa luận tốt nghiệp đại học: Tính 5,0 giờ chuẩn/1 khóa luận.

- Hướng dẫn, chấm tiểu luận, đề án môn học bậc cao học: Tính 0,5 giờ chuẩn/tiểu luận, đề án môn học.

- Hướng dẫn Luận văn thạc sĩ: Tính 25,0 giờ chuẩn/ luận văn.

- Hướng dẫn Luận án tiến sĩ: Tính 70,0 giờ chuẩn/luận án.

Trong đó: Mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 25 sinh viên và không quá 5 học viên cao học (nếu đủ điều kiện).

đ. Hệ số giảng lớp đông:

- Lớp có từ 40 sinh viên trở xuống tính hệ số 1,0
- Lớp có từ 41 – 50 sinh viên tính hệ số 1,1
- Lớp có từ 51 – 60 sinh viên tính hệ số 1,2
- Lớp có từ 61 – 70 sinh viên tính hệ số 1,3
- Lớp có từ 71 – 80 sinh viên tính hệ số 1,4
- Lớp có từ 81 sinh viên trở lên tính hệ số 1,5

e. Coi thi hết học phần

- Thời gian coi thi từ 90 phút trở lên: 1,5 giờ chuẩn/ca thi/cán bộ coi thi.
 - Thời gian coi thi dưới 90 phút: 1,0 giờ chuẩn/ca thi/cán bộ coi thi.
- Coi thi ngoài giờ hành chính, Thứ Bảy và Chủ Nhật hệ số 1,5.

g. Chấm thi hết học phần

- Chấm thi tự luận đề thi có thời gian làm bài 120 phút: 0,12 giờ chuẩn/bài thi/2 cán bộ chấm thi (áp dụng cho cả chấm thẩm định).
- Chấm thi tự luận đề thi có thời gian làm bài 90 phút: 0,1 giờ chuẩn/bài thi/2 cán bộ chấm thi (áp dụng cho cả chấm thẩm định).
- Chấm thi trắc nghiệm (quét bài trên máy): 0,01 giờ chuẩn/bài thi.
- Chấm thi trắc nghiệm thủ công : 0,05 giờ chuẩn/bài thi/2 cán bộ chấm thi (áp dụng cho cả chấm thẩm định).
- Chấm thi vấn đáp, thi trên máy tính: 0,12 giờ chuẩn/sinh viên.
- Chấm thi thực hành giáo dục thể chất: 0,12 giờ chuẩn/sinh viên.
- Chấm bài thực tập môn học: 0,3 giờ chuẩn/sinh viên.

h. Quy đổi giờ ngoại khóa giáo dục thể chất

- Trọng tài:
- + Bóng đá, bóng rổ: 02 giờ chuẩn/trận.
- + Bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, võ thuật: 01 giờ chuẩn/trận.
- Huấn luyện đội tuyển tham gia thi đấu: 02 giờ chuẩn/buổi.
- Hướng dẫn luyện tập ngoại khóa (Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, võ thuật, cầu lông, bóng bàn, điền kinh): 01 giờ chuẩn/buổi.
- Hướng dẫn thể dục giữa giờ: 0,5 giờ chuẩn/buổi

* Đối với giảng viên thỉnh giảng: thực hiện theo hợp đồng thỉnh giảng, mức thù lao theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

Trường hợp Nhà trường huy động giảng viên làm công việc khác, Nhà trường sẽ quyết định mức quy đổi riêng.”

2. Khoản 2.2. Điều 10. Quy định về giờ chuẩn giảng dạy, định mức giờ chuẩn giảng dạy được sửa đổi như sau:

“2.2. Định mức giờ chuẩn giảng dạy bao gồm: thời lượng giảng dạy trên lớp; ra đề thi hết học phần (đề lẻ hoặc ngân hàng đề, bộ đề thi); coi thi hết học phần; chấm thi hết học phần; thời gian hướng dẫn tiểu luận, đề án môn học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp, thực hành nghề nghiệp, hướng dẫn luận văn thạc sĩ.”

3. Điều 13. Các nhiệm vụ được quy đổi thành giờ chuẩn giảng dạy được sửa đổi như sau:

“Điều 13. Các nhiệm vụ được quy đổi thành giờ chuẩn giảng dạy

- Giảng lý thuyết.
- Ra đề thi hết học phần.
- Coi thi hết học phần.
- Chấm thi hết học phần.
- Giờ ngoại khóa giáo dục thể chất
- Hướng dẫn: Tiểu luận, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp; thực hành nghề nghiệp, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ cho sinh viên, học viên của trường.”

4. Khoản 8 Điều 17. Quản lý, sử dụng thời gian làm việc được sửa đổi như sau:

“8. Một số khối lượng công tác khác như: luyện tập quân sự; học tập, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn; tham dự hội thảo, hội đồng nghiệm thu đề tài, hội đồng tốt nghiệp, coi thi chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, chấm thi chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ ... được thanh toán theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.”

Điều 2. Nội dung sửa đổi Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên tại Điều 1 của Quyết định này được áp dụng từ năm học 2019-2020.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc trường và toàn thể cán bộ, giảng viên của nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, QLĐT.


TS. Nguyễn Trọng Nghĩa